



DANH SÁCH CÁN BỘ ĐỀ NGHỊ XẾP NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số: 492 /TB-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của UBND phường Phan Đình Phùng)

| TT | Họ và tên           | Chức vụ,<br>chức danh,<br>công việc | Trình độ đào tạo/Chứng chỉ theo VTVL |                                                                                                          |                       |           |                          |                            |                                                     | Ngạch, lương hiện hưởng |             |                     |     |             |                        |                   |                 |                                                         | Đề nghị xếp ngạch, lương mới               |           |             |     |             |                 |                                      | Ghi chú |
|----|---------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|-------------|---------------------|-----|-------------|------------------------|-------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|-------------|-----|-------------|-----------------|--------------------------------------|---------|
|    |                     |                                     | Trình độ                             | Chuyên ngành                                                                                             | Ngoại ngữ             | Tin học   | QLNN                     | Trình độ lý luận chính trị | Chứng chỉ khác                                      | Tên ngạch               | Mã số ngạch | Thời gian giữ ngạch | Bậc | Hệ số lương | Hệ số bảo lưu (nếu có) | Phụ cấp TNV K (%) | Thời điểm hưởng | Thời gian xét nâng bậc lương, nâng phụ cấp TNVK lần sau | Tên vị trí việc làm được xếp ngạch cao hơn | Tên ngạch | Mã số ngạch | Bậc | Hệ số lương | Thời điểm hưởng | Thời gian xét nâng bậc lương lần sau |         |
| 1  | 2                   | 3                                   | 4                                    | 5                                                                                                        | 6                     | 7         | 8                        | 9                          | 10                                                  | 11                      | 12          | 13                  | 14  | 15          | 16                     | 17                | 18              | 19                                                      | 20                                         | 21        | 22          | 23  | 24          | 25              | 26                                   | 27      |
| 1  | Mai Xuân Tùng       | Phó chủ tịch UBND                   | Thạc sĩ                              | Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; Kỹ sư CNTT; Cử nhân Luật kinh tế; Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước | Tiếng Anh trình độ C  | Kỹ sư     | CVC                      | Cao cấp                    |                                                     | CV                      | 01.003      | 16 năm 5 tháng      | 7   | 4,32        |                        |                   | 09/01/24        | 09/01/24                                                | Phó chủ tịch UBND                          | CVC       | 01.002      | 1   | 4,4         |                 | 09/01/24                             |         |
| 2  | Đặng Quang Ngọc     | Phó chủ tịch UBND                   | Cử nhân                              | Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế                                                                            | Tiếng Anh trình độ C  | Chứng chỉ | CV                       | Cao cấp                    |                                                     | CV                      | 01.003      | 7 năm 2 tháng       | 9   | 4,98        |                        | 8%                | 11/01/25        | 11/01/25                                                | Phó chủ tịch UBND                          | CVC       | 01.002      | 4   | 5,42        |                 | Kể từ ngày có QĐ bổ nhiệm            |         |
| 3  | Nguyễn Thị Thu Thảo | Chánh VP UBND                       | Thạc sĩ                              | Thạc sĩ Nông nghiệp; Kỹ sư Trồng trọt; Cử nhân Chính trị                                                 | Cử nhân               | Chứng chỉ | CVC (Trước khi bổ nhiệm) | Cử nhân                    | BD lãnh đạo, quản lý cấp phòng (Trước khi bổ nhiệm) | CV                      | 01.003      | 6 năm 7 tháng       | 5   | 3,66        |                        |                   | 04/01/26        | 04/01/26                                                | Chánh VP UBND                              | CVC       | 01.002      | 1   | 4,4         |                 | Kể từ ngày có QĐ bổ nhiệm            |         |
| 4  | Dương Văn Hiệp      | Trưởng phòng Kinh tế                | Kỹ sư                                | Kỹ sư xây dựng cầu đường; Kỹ sư điện khí hóa - Cung cấp điện                                             | Tiếng Anh A2          | Chứng chỉ | CV (Trước khi bổ nhiệm)  | Trung cấp                  | BD lãnh đạo, quản lý cấp phòng (Trước khi bổ nhiệm) | CV                      | 01.003      | 5 năm 5 tháng       | 7   | 4,32        |                        |                   | 10/01/25        | 10/01/25                                                | Trưởng phòng Kinh tế                       | CVC       | 01.002      | 1   | 4,4         |                 | 10/01/25                             |         |
| 5  | Nguyễn Mai Biển     | Trưởng phòng VHXXH                  | Thạc sĩ                              | Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam; Cử nhân Sư phạm lịch sử                                           | Tiếng Anh trình độ B1 | Chứng chỉ | CVC                      | Cao cấp                    | BD lãnh đạo quản lý cấp phòng                       | CV                      | 01.003      | 6 năm 7 tháng       | 4   | 3,33        |                        |                   | 07/01/24        | 07/01/24                                                | Trưởng phòng VHXXH                         | CVC       | 01.002      | 1   | 4,4         |                 | Kể từ ngày có QĐ bổ nhiệm            |         |

[illegible]